

Bản án số: 76/2024/HS-ST

Ngày: 13 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

2. Bà Đỗ Phương Diệp.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị C, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 20/02/1984, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C1; con bà Trần Thị H; có chồng là Nguyễn Văn H1, có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

2. Hoàng Trung K, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 20/12/1996, tại Tuyên Quang; Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T; con bà Lương Thị C2; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

3. Nguyễn Văn K1, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 10/9/1997, tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K2; con bà Nguyễn Thị H2; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

4. Đào Thanh N, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 23/4/1985, tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn X; con bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Hoàng Y (đã ly hôn), có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

5. Lù Thị P, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 20/01/2004, tại Hà Giang; Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang; chỗ ở: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù Văn T1; con bà Vàng Thị C3; chồng: chưa có; có 01 con là Lù Văn N1, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến: Anh Lâm Văn T2, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Chị Nông Thị Hồng H3, sinh năm 2007. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Triệu Thị D, sinh năm 2001. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

3. Anh Đào Văn C4, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

4. Chị Giàng Thị S, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

5. Anh Tạ Văn P1, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Nguyễn Văn C5, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/12/2023, tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T tại Phòng nghỉ (không ghi số) trên tầng hai của quán K4 do Nguyễn Thị C làm chủ quản lý, điều hành thuộc tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, trong phòng nghỉ có hai đối tượng là Đào Thanh N và Lù Thị P có dấu hiệu hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, số ma túy đã sử dụng được N khai nhận mua của Hoàng Trung K là nhân viên lễ tân của quán DIAMOND. Kiểm tra phát hiện thu giữ: Trên mặt kệ gỗ đặt trên giường ngủ trong phòng gồm: 01 túi nilon màu trắng có kích thước 3x3cm, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ được cuộn thành chiếc ống hút và 01 chiếc thẻ bằng nhựa. Mặt bên trong của túi nilon và chiếc ống hút, trên bề mặt của chiếc thẻ nhựa đều có bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp (niêm phong A); thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng đặt trên bồn rửa mặt trong nhà vệ sinh (niêm phong B); 02 chiếc loa màu đen đã qua sử dụng, 01 chiếc đèn nháy màu đen. Thu giữ của Đào Thanh N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu xanh và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu vàng; Thu giữ của Lù Thị P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng. Kiểm tra tại khu vực Phòng lễ tân đối với Hoàng Trung K đã phát hiện tạm giữ của K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 352899110583068, số thuê bao 0368508597; Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trên mẫu nước tiểu đối với: Đào Thanh N dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine, MOR; Lù Thị P dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine.

Tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Hoàng Trung K phát hiện K cất giấu tại ngăn kéo bàn lễ tân của quán DIAMOND gồm có: 01 túi nilon màu trắng bên trong có 11 viên nén màu vàng có tổng khối lượng là 4,415 gam; 08 túi nilon bên trong mỗi túi chứa các cục tinh thể màu trắng, tổng khối lượng chất tinh thể thu giữ là 6,633 gam (niêm phong K1); phát hiện thu giữ 06 tờ phiếu thanh toán dịch vụ. Cơ quan điều tra đã tiến hành cân xác định khối lượng, lấy mẫu để trung cầu giám định xác định loại chất ma túy (niêm phong G1, G2 và Niêm phong A).

Ngày 26/12/2023, Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn K1 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T xin đầu thú. Cơ quan điều tra tạm giữ của C, K1 mỗi người 01 chiếc điện thoại di động. Ngày 27/12/2023, khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Thị C tại tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả phát hiện thu giữ 01 bộ chăn, gối, đệm; 02 chiếc loa; 01 chiếc âm ly, 01 bảng in mã QR tài khoản ngân hàng V mang tên Nguyễn Thị C; 01 túi

vải màu đen bên trong chứa các phiếu thanh toán; 4.300.000 đồng tiền Việt Nam.

Kết quả giám định: Tại bản kết luận giám định số 113 ngày 03/01/2024 của Phòng K5 - Công an tỉnh T kết luận:

+ Mẫu chất tinh thể màu trắng bám dính trên túi nilon màu trắng, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ và chiếc thẻ nhựa trong niêm phong A là chất ma túy, loại Ketamine. Do chất ma túy Ketamine bám dính trên túi nilon trắng, tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ và chiếc thẻ nhựa gửi giám định ở dạng vụn, bám dính lượng ma túy rất nhỏ nên dưới giới hạn định lượng của phương pháp phân tích. Vì vậy không xác định được khối lượng Ketamine bám dính trên túi nilon trắng, tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ và chiếc thẻ nhựa trong niêm phong A.

+ Mẫu viên nén màu vàng trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là chất ma túy: Loại MDMA; tổng khối lượng thu giữ ban đầu là: 4,415 gam.

+ Mẫu các cục chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G2 gửi giám định là chất ma túy; loại Ketamine; Tổng khối lượng thu giữ là: 6,633 gam.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tháng 3/2023 Nguyễn Thị C đã 02 lần cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng nghỉ để tổ chức sử dụng ma túy và thu được 4.000.000 đồng. Khi nhận thấy có nhiều người muốn thuê phòng nghỉ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên C đã tiến hành cải tạo 02 phòng nghỉ trên tầng hai của Q hát Karaoke DIAMOND thường gọi là phòng “Bay sập”. Trong phòng có lắp thêm hệ thống âm thanh, đèn nháy, chăn ga, gối, đệm để phục vụ cho người tổ chức sử dụng ma túy và thu lợi bằng tiền thuê dịch vụ như tiền thuê phòng, thuê nhân viên nữ phục vụ hoạt động sử dụng ma túy. Khoảng tháng 4 năm 2023, C thuê nhân viên là Hoàng Trung K (sinh năm 1996, nơi thường trú: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) làm nhiệm vụ trông coi, quản lý hoạt động của quán hát Karaoke DIAMOND vào ban đêm, tiền trả lương cho K là 5.000.000đ/1 tháng. Hoàng Trung K thực hiện các công việc theo yêu cầu của C như tiếp đón khách, sắp xếp phòng “Bay sập”, liên hệ thuê nhân viên nữ đến cùng tham gia sử dụng ma túy khi khách có nhu cầu, thu tiền của khách, ghi chép vào các phiếu thanh toán sau đó chuyển lại cho C quản lý theo dõi. Chính quy định giá dịch vụ hát Karaoke là 250.000đ/giờ ở phòng rộng, 200.000đ/giờ ở phòng nhỏ hơn. Đối với dịch vụ cho thuê phòng để sử dụng ma túy Chính thu 300.000đ/giờ. Trong quá trình khách đến sử dụng ma túy có nhu cầu thuê nhân viên nữ để phục vụ thì C cùng với Hoàng Trung K đã liên hệ với Nguyễn Văn K1 (sinh năm 1997, thường trú tại: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên) để thuê các nhân viên do K1 quản lý gồm: Nông Thị Hồng H3, sinh năm 2007, nơi thường trú: xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Giàng Thị S, sinh năm 1994, nơi thường trú: thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai; Triệu Thị D, sinh năm 2001 và Triệu Thị N2, sinh năm 2003 cùng trú tại thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Lù Thị P sinh năm: 2004, nơi thường trú: thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang và 02 người khác tên thường gọi là H và L1 (không rõ

họ tên và địa chỉ cụ thể). Chính thống nhất với Nguyễn Văn K1 giá thuê nhân viên nữ phục vụ việc sử dụng ma túy là 250.000đ/giờ/người phục vụ, số tiền thu được Chính sẽ được hưởng 30.000đ/giờ/người phục vụ, số còn lại C sẽ thanh toán cho K1 vào ngày chủ nhật hàng tuần. Việc thanh toán dựa trên các phiếu mà nhân viên nữ mang về giao cho K1 sau khi phục vụ xong cho khách. K1 nhận tiền thanh toán từ C và tự trích hưởng 100.000đ/giờ/người, phần còn lại trả tiền công cho nhân viên nữ là 120.000đ/giờ/người phục vụ. K1 có trách nhiệm bố trí chỗ ăn nghỉ, đưa đón nhân viên nữ đến quán DIAMOND phục vụ theo yêu cầu của C khi khách có nhu cầu thuê để phục vụ sử dụng ma túy.

Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 25/12/2023, Hoàng Trung K đang trực tại quầy lễ tân thì Đào Thanh N đến thuê 01 phòng để sử dụng ma túy và được Hoàng Trung K sắp xếp phòng "Bay sập" trên tầng 2. Để có ma túy sử dụng, N đã mua của Hoàng Trung K 01 viên thuốc lắc với giá là 300.000đ và 01 túi Ketamin với giá là 800.000đ nhưng chưa thanh toán. Đồng thời N yêu cầu thuê một nhân viên nữ cùng phục vụ sử dụng ma túy với N nên Hoàng Trung K đã liên lạc với Nguyễn Văn K1. Khoảng 15 phút sau Nguyễn Văn K1 đưa Lù Thị P đến quán K4. Tiếp đó Hoàng Trung K lấy ma túy gồm 01 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine quấn vào trong giấy vệ sinh, 01 chiếc thẻ nhựa cứng và 01 chiếc ống hút được cuộn từ tờ tiền 10.000đ (do những lượt khách trước đó sử dụng để lại) rồi đặt tất cả lên 01 chiếc đĩa sứ màu trắng mang lên phòng "Bay sập" cho N đồng thời bảo P cùng đi vào phòng, Hoàng Trung K đặt đĩa sứ chứa ma túy và các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy lên trên mặt kệ gỗ trên giường ngủ sau đó quay trở lại ngồi trực ở phòng lễ tân. N lấy viên ma túy thuốc lắc bẻ thành hai phần, một phần Nam tự sử dụng hết bằng cách uống với nước, phần còn lại N đưa cho P sử dụng. Sau khi cả hai sử dụng thuốc lắc, P đem chiếc đĩa sứ màu trắng đi hơ cho nóng và đổ ma túy Ketamine trong túi ra đĩa, dùng chiếc thẻ nhựa nghiền mịn, đảo trộn, chia ra thành 02 đường kẻ. Do ống hút làm bằng tờ tiền đã bị bẹp nên P đã cuộn lại, rồi sử dụng ống hút, hít một đường Ketamine vào mũi. Hít xong ma túy, P đưa đĩa Ketamine cho N sử dụng theo cách tượng tự rồi cả hai nằm nghe nhạc ở trong phòng. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày lực lượng Công an đến kiểm tra đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng có liên quan. Trước đó vào ngày 25/11/2023, Đào Thanh N một mình đến quán K4 và thuê phòng sử dụng ma túy, N đã mua của Hoàng Trung K 01 viên thuốc lắc và đã tự sử dụng hết. Quá trình điều tra đã xác định, ngoài lần cho Đào Thanh N thuê phòng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 25/12/2023, thì trước đó từ khoảng tháng 3 năm 2023, Nguyễn Thị C, Hoàng Trung K đã nhiều lần, nhiều ngày cho khách thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán K4. Đến tháng 10 năm 2023, C, K kết nối với Nguyễn Văn K1 để cung cấp dịch vụ đưa nhân viên nữ đến phục vụ khách sử dụng ma túy, cụ thể:

- Ngày 06/12/2023, Lê Văn T3, sinh năm 1986 Nơi thường trú: thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội thuê phòng Sập để sử dụng ma túy. Sau khi T3 thuê phòng sử dụng ma túy xong, thì C thu 5.700.000đ bằng hình thức nhận chuyển khoản ngân hàng.

- Ngày 16/12/2023, C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê 01 phòng Sập, thuê nhân viên tên là T4 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến phục vụ với tổng thời gian là 4 giờ 40 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong, C thu 2.750.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 1.026.000đ nhưng C chưa thanh toán.

- Ngày 17/12/2023, C đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng S1 để sử dụng ma túy và thu được 8.700.000đ bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản của Tạ Văn P1, sinh năm 1992, nơi thường trú: tổ dân phố S, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 20/12/2023, C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng sập, thuê nhân viên tên là N3, N2 và H đến phục vụ với tổng thời gian là 13 giờ 20 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong, C thu được 7.150.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 2.933.000đ nhưng C chưa thanh toán. Cùng ngày C cho Đào Văn C4, sinh năm 1987, nơi thường trú: thôn S, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội thuê 01 phòng để sử dụng ma túy thu được 8.400.000đ.

- Ngày 22/12/2023 C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng S1, thuê nhân viên tên là P đến phục vụ với tổng thời gian là 5 tiếng 00 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong thì C đã thụ được 2.750.000 đồng, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 1.100.000 đồng nhưng C chưa thanh toán.

- Ngày 22/12/2023, C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng S1, thuê nhân viên tên là N2 đến phục vụ với tổng thời gian là 6 tiếng 40 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong, C thu được 3.850.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 1.466.000đ nhưng C chưa thanh toán.

- Ngày 23/12/2023, C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng S1 và thuê nhân viên tên là H và L2 đến phục vụ với tổng thời gian phục vụ là 4 tiếng 10 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong Chính thu số tiền của khách là 3.400.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 1.416.000đ nhưng C chưa thanh toán.

- Ngày 24/12/2023 C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng sập và thuê nhân viên tên là P đến phục vụ với tổng thời gian là 50 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong thì C đã thu được 550.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 183.000đ nhưng C chưa thanh toán.

- Ngày 24/12/2023, C, K1 đã cho khách (không rõ họ tên và địa chỉ) thuê phòng sập và thuê nhân viên tên là N2 đến phục vụ với tổng thời gian là 6 tiếng 30 phút. Sau khi khách thuê phòng để sử dụng ma túy xong, C đã thu được 3.575.000đ, trong đó Nguyễn Văn K1 và nhân viên được hưởng 1.430.000đ nhưng C chưa thanh toán.

Kết quả kiểm tra số tiền chuyển đi, chuyển đến trên tài khoản thanh toán của Quán K4 tên Nguyễn Thị C tại tài khoản số 108877288178 thuộc Ngân hàng V. Từ ngày 01/4/2023 đến 24/12/2023, C và Hoàng Trung K đã xác định tổng số

tiền chuyển đến **957.012.000** đồng là tiền mà những người khách trả thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thuê nhân viên nữ phục vụ quá trình sử dụng ma túy. Trong tổng số tiền nêu trên, C đã sử dụng một phần tiêu sài cá nhân, chi mua sắm hoa quả, đồ uống, bánh kẹo, tu sửa trang thiết bị phòng Bay sập. Chính thanh toán cho Nguyễn Văn K1 tiền thuê nhân viên nữ là 15.000.000đ, trả lương hàng tháng cho Hoàng Trung K tổng số 45.000.000đ. Đối với Hoàng Trung K ngoài việc giúp sức đắc lực cho Nguyễn Thị C thực hiện hành vi nêu trên thì K còn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho khách có nhu cầu. Ngày 22/12/2023 K đi đến khu vực Công ty S2 thuộc huyện Y, tỉnh Bắc Ninh mua 12 viên thuốc lắc (MDMA) và 09 túi nhỏ đựng Ketamine của một người nam giới (không rõ tên, tuổi và địa chỉ) hết số tiền là 7.500.000đ. Sau khi mua được ma túy, K mang về cất giấu tại ngăn kéo bàn lễ tân mục đích để bán kiếm lời.

Tại bản cáo trạng số 68/CT – VKS-P1, ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị Chính, Nguyễn Văn Kiên về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Đào Thanh N, Lù Thị P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Hoàng Trung K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn K1, Đào Thanh N, Lù Thị P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Hoàng Trung K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 8 đến 9 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 50 đến 60 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung K từ 7 đến 8 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung K từ 7 đến 8 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả 02 tội từ 14 đến 16 năm tù.

3. Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 từ 7 đến 8 năm tù về

tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thanh N từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lù Thị P từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 07 bì niêm phong ký hiệu: A, G1, G2, B, L1, L2, V, bên trong chứa ma túy, mẫu hoàn lại sau giám định, vỏ bao gói, 01 đĩa sù; 01 đệm; 01 chăn; 01 gối; 01 túi vải màu đen; 01 bảng in mã QR; 04 chiếc loa; 01 chiếc âm ly; 01 đèn nháy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (trong niêm phong ký hiệu A); 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo (trong niêm phong ký hiệu C1, K, KDD1, N, P);

- Tạm giữ của Đào Thanh N 02 chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Nguyễn Thị C là chủ cơ sở quán K4 có địa chỉ tại tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 3/2023, C đã cải tạo 02 phòng của quán hát thành phòng cho khách thuê để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Bay sập). Chính giao cho Hoàng Trung K là nhân viên lễ tân trực tiếp quản lý,

sắp xếp, thu tiền thuê phòng, liên lạc với Nguyễn Văn K1 cung cấp nữ nhân viên để phục vụ khách sử dụng ma túy.

Nguyễn Văn K1 là người quản lý, đưa đón nữ nhân viên đến quán K4 khi Hoàng Trung K yêu cầu.

Trong thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 25/12/2023, Nguyễn Thị C và Hoàng Văn K3 đã nhiều lần cho khách thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thu lợi bất chính số tiền 961.012.000 đồng. Nguyễn Văn K1 nhiều lần cung cấp các nữ nhân viên phục vụ khách tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thu lợi bất chính tổng số tiền 15.000.000đ.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/12/2023, Nguyễn Thị C đã chỉ đạo Hoàng Trung K cho Đào Thanh N thuê phòng không ghi số trên tầng 2 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hoàng Trung K bán cho N 01 viên ma túy loại MDMA với giá 300.000 đồng và 01 gói Ketamie với giá 800.000 đồng; cung cấp dụng cụ để sử dụng ma túy (đĩa sứ, ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, thẻ nhựa). Nguyễn Văn K1 đã cung cấp nhân viên nữ Lù Thị P để phục vụ N sử dụng trái phép chất ma túy. N đã bẻ đôi viên ma túy rồi tự sử dụng nửa viên, phần còn lại N đưa cho P sử dụng bằng hình thức uống nuốt. Sau đó P dùng bật lửa hơi nóng đĩa sứ, dùng thẻ nhựa đảo trộn, chia số Ketamine thành các đường kẻ, cuộn lại ống hút để P sử dụng sau đó đưa cho N sử dụng bằng hình thức hít.

Đối với Hoàng Trung K, trước đó vào ngày 25/11/2023 đã có hành vi bán cho Đào Thanh N 01 viên ma túy MDMA và cho N thuê phòng tại quán K4 để N tự sử dụng trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 07 năm, đến 15 năm:

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

Nội dung Điều 255 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 07 năm, đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng ...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Trung K và Nguyễn Văn K1 là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của Đào Thanh N và Lù Thị P là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn K1 sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú, bị cáo C nộp số tiền 25.000.000đ; bị cáo Nguyễn Văn K1 nộp 5.000.000đ để thi hành án, vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ của bị cáo Hoàng Trung K và vỏ bao gói được niêm phong theo quy định và các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Trung K, Nguyễn Văn K1 và Lù Thị P, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 02 chiếc điện thoại tạm giữ của Đào Thanh N không liên quan đến vụ án cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 4.300.000 đồng tạm giữ khi khám xét nơi ở của C không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo Hoàng Trung K, Nguyễn Văn K1, Đào Thanh N và Lù Thị P không có tài sản gì có giá trị nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Đối với số tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra xác định các bị cáo thu lợi từ việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể: Nguyễn Thị C

thu lợi số tiền: 901.012.000đ; bị cáo Hoàng Trung K: 45.000.000đ; bị cáo Nguyễn Văn K1: 15.000.000đ, vì vậy cần truy thu đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án này: Đối với các đối tượng liên quan gồm: Nông Thị Hồng Hạnh, Giàng Thị S, Triệu Thị D, và Triệu Thị N2 và 02 người khác tên thường gọi là H và L1 (Không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đã nhiều lần đi sử dụng ma túy tại Cơ sở kinh doanh Karaoke DIAMOND. Quá trình điều tra, H3, D khai nhận đã nhiều lần đi sử dụng ma túy cùng với người khác tại quán K4. Riêng S khai chỉ phục vụ khách hát Karaoke, không phục vụ khách sử dụng ma túy hay sử dụng ma túy cùng với khách. Xác minh triệu tập Triệu Thị N2 nhưng N2 không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Đối với H và L1 do không rõ tên tuổi và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ; Trong quá trình điều tra đã xác định: Ngày 25/11/2023, Đào Thanh N sau khi mua 01 viên “thuốc lắc” của Hoàng Trung K sau đó thuê phòng bay sập tại quán DIAMOND và đã sử dụng hết cho bản thân. Đào Văn C4 khai nhận ngày 19/12/2023 mua ma túy tổng hợp trên mạng xã hội rồi thuê phòng tại quán K4 và đã sử dụng hết. Nông Thị Hồng H3 khai nhận sử dụng ma túy tại quán K4 vào ngày 18/12/2023. Triệu Thị D khai nhận từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12/2023 đã 04 lần sử dụng trái phép ma túy tại quán K4. Lù Thị P khai nhận sử dụng ma túy tại quán K4 vào ngày 22/12/2023. Ngày 21/12/2023, Nguyễn Văn K1 mua thuốc lắc MDMA trên mạng xã hội rồi một mình tự sử dụng hết. Như vậy N, C4, H3, D, P và Nguyễn Văn K1 đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại Khoản 1, Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP. Phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đào Thanh N, Đào Văn C4, Nông Thị Hồng H3, Triệu Thị D, Nguyễn Văn K1 bằng hình thức phạt tiền, mức phạt: 1.500.000đ/1 người; Quá trình điều tra Nguyễn Thị C khai đã nhận tiền thanh toán tiền thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy từ Lê Văn T3, sinh năm 1986, nơi thường trú tại thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập Lê Văn T3 nhưng T3 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn K1, Đào Thanh N, Lù Thị P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Hoàng Trung K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C: 08

(tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung K: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung K: 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2.2. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hoàng Trung K phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2023.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1: 7 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thanh N: 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2023.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lù Thị P: 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Trung K, Nguyễn Văn K1, Đào Thanh N, Lù Thị P, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

II. Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **A**, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Minh T5, Nguyễn Hoàng T6 và 03 hình dấu tròn màu đỏ của phòng K5 Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Hoàn trả 01 (một) túi nilon, và 01 (một) thẻ nhựa.

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **G1**, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Minh T5, Nguyễn Hoàng T6 và 03 hình dấu tròn màu đỏ của phòng K5 Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Hoàn trả 1,698 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu G1 vụ “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **G2**, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Minh T5, Nguyễn Hoàng T6 và 03 hình dấu tròn màu đỏ của phòng K5 Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Hoàn trả 2,565 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu G2 vụ “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **B**, bên trong có 01 chiếc đĩa sứ màu trắng.

- 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu **L1**, trên niêm phong có các chữ ký của Ma Đình G, Hoàng Trung K cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 2,401 gam MDMA vật chứng thu giữ của Hoàng Trung K vụ Diamond.

- 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu **L2**, trên niêm phong có các chữ ký của Ma Đình G, Hoàng Trung K cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 3,888 gam Ketamine vật chứng thu giữ của Hoàng Trung K.

- 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu **V**, trên niêm phong có các chữ ký của Ma Đình G, Hoàng Trung K cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Vở túi nilon và bì niêm phong ban đầu vụ TCSDTPCMT Diamond.

- 01 (Một) Cái đệm có kích thước 1,8x2m; 01 (Một) Cái chăn đã qua sử dụng; 01 (Một) Cái gối đã qua sử dụng; 01 (Một) Bảng in mã QR ghi nội dung: CHỦ TK: NGUYỄN THỊ CHÍNH. Số tài khoản: 108877288178; 01 (Một) chiếc túi vải màu đen.

- 03 (Ba) Chiếc loa màu đen đã qua sử dụng; 01 Chiếc loa màu trắng đã qua sử dụng; 01 Chiếc âm ly màu đen nhãn hiệu Jarugaer; 01 chiếc đèn nháy màu đen.

2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **C1**, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Đăng H4, Lê Xuân H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Thị C;

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **K**, trên niêm phong có các chữ ký của Hoàng Chí H6, Lê Xuân H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Hoàng Trung K;

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **KĐ1**, trên niêm phong có các chữ ký của Hoàng Chí H6, Lê Xuân H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Văn K1;

- 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu **P**, trên niêm phong có các chữ ký của Hoàng Chí H6, Lê Xuân H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: điện thoại di động thu giữ của Lù Thị P;

- 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu **A**, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Minh T5, Nguyễn Hoàng T6 và 03 hình dấu tròn màu đỏ của phòng K5 Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Hoàn trả: ... 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ...

3. Truy thu đối với các bị cáo số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thị C: 901.012.000 đồng; Bị cáo Hoàng Trung K: 45.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn K1: 15.000.000 đồng.

4. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- Của bị cáo Nguyễn Thị C số tiền: 29.300.000 đồng (trong đó có 4.300.000 đồng tạm giữ khi khám xét và số tiền 25.000.000 đồng do chồng bị cáo nộp tại Cục T7, tại biên lai thu tiền số 0000064, ngày 20/6/2024 của Cục THADS tỉnh T7).

- Của bị cáo Nguyễn Văn K1 số tiền: 5.000.000 đồng do mẹ bị cáo nộp tại Cục T7. (biên lai số 0000060 ngày 17/6/2024 của Cục THADS tỉnh T7).

- Của Đào Thanh N: 02 chiếc điện thoại di động được niêm phong trong 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu N, trên niêm phong có các chữ ký của Hoàng Chí H6, Lê Xuân H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 02 chiếc điện thoại tạm giữ của Đào Thanh N.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 95 ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T7; số tiền theo ủy nhiệm chi số 55, ngày 19/4/2024).

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn K1, Đào Thanh N, Lù Thị P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Minh Tuân